

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-ST
Ngày 06 - 4 - 2021
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Ông Trần Hồng Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2021, giữa:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1 Ông Lê Thanh D (tên gọi khác: D1), sinh năm 1974 (có mặt).

1.2. Bà Lê Kiều T, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Lê Thanh D (tên gọi khác: D1), sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị N; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh T; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Thanh D và bà Lê Kiều T trình bày:

Ông D và bà T là chủ hui. Ngày 30/02/2015 (âm lịch) ông bà có mở dây hui 5 triệu đồng, dự kiến mãn hui vào ngày 30/01/2020 âm lịch. Dây hui gồm có 21 phần. Vợ chồng ông T, bà N tham gia 01 phần. Khi chơi hui, các bên thỏa

thuận ngày mở hội và kỳ khai hội đầu tiên là ngày 30/02/2015 âm lịch, thời gian khai hội là 03 tháng/1 lần, ai bỏ hội cao nhất của kỳ khai hội thì sẽ được hốt hội. Thời gian gom tiền hội là 10 ngày kể từ ngày khai hội và thời gian chung (đưa cho người hốt) tiền hội là 10 ngày kể từ ngày gom hội. Bà N, ông T đã hốt vào ngày 30/5/2017 âm lịch (kỳ thứ 10) với số tiền là 68.100.000 đồng (có biên nhận giao tiền). Sau đó, bà N và ông T đóng hội chết cho ông bà đến hết kỳ thứ 19, còn lại 02 kỳ hội chết chưa đóng (kỳ 20 và 21). Do ông bà đã đóng thay tiền hội chết cho bà N và ông T nên nay ông bà khởi kiện yêu cầu bà N và ông T trả số tiền hội là 10.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Bà Đỗ Thị N trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi đã tiến hành lấy lời khai ngày 07/01/2021 thì bà N không đồng ý cho lấy lời khai và bà N xác định: Bà có tham gia 01 phần hội của dây hội 5 triệu đồng do ông D và bà T làm chủ. Bà đã hốt phần hội trên nhưng không nhớ hốt vào kỳ nào và bao nhiêu tiền. Tuy nhiên, bà còn thiếu 02 kỳ hội chết (kỳ hội cuối và kỳ hội liền kề trước đó) chưa đóng cho bà T và ông D. Nguyên nhân là do bà T và ông D bề hội và chưa thanh toán đủ tiền cho các hội viên khác nên bà N dự định sẽ trả dần số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông T xác định ông là chồng bà N. Việc bà N giao dịch hội như thế nào thì ông không rõ, tuy nhiên số tiền hốt hội được vợ chồng sử dụng chung. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đồng ý trả nhưng không đồng ý trả vào lúc này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Thanh D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Kiều T là ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 19/2019 ngày

19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bị đơn Bà Đỗ Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông T.

[2] Về tố tụng: Bà T và ông D khởi kiện đòi tiền hối đối với bà N và ông T. Bà N và ông T hiện cư trú tại Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên đây là tranh chấp hối và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bà T và ông D khởi kiện yêu cầu bà N và ông T trả số tiền hối 10.000.000 đồng mà ông bà đã đóng thay. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà T và ông D cung cấp tờ giấy “Danh sách huội: 5 000 000 Đ” và Biên nhận tiền đề ngày 30/6/2017 âm lịch. Ông D và bà T xác định: Bà N và ông T tham gia 01 phần hối do ông bà làm chủ, loại hối 5 triệu đồng và bà N, ông T đã hót vào ngày 30/5/2017 âm lịch. Còn bà N xác định có tham gia 01 phần hối, loại hối 5 triệu đồng và đã hót hối; còn ông T xác định giao dịch chơi hối là do vợ ông trực tiếp thực hiện nên ông T không rõ. Như vậy, có căn cứ xác định giữa ông D, bà T với bà N có giao dịch hối, loại hối 5 triệu đồng và bà N đã hót dây hối này.

[3.1] Bà N xác định lý do chưa thanh toán tiền 02 kỳ hối chết cho ông D và bà T là do ông D, bà T bề hối và chưa thanh toán đủ tiền hối cho các hối viên khác. Tuy nhiên, ông D và bà T xác định dây hối vẫn hoạt động bình thường cho đến mãn hối và ông bà đã đóng 02 kỳ hối chết cho bà N và ông T. Để chứng minh cho việc đóng hối thay, ông D và bà T cung cấp người làm chứng là ông Trần Quốc N1. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2021, ông N1 xác định, vợ chồng ông có tham gia dây hối mở ngày 30/02/2015, loại hối 5 triệu đồng do ông D và bà T làm chủ nhưng vợ chồng ông đã hót vào lần 20 (tháng 10 năm 2020 âm lịch). Như vậy, không có căn cứ dây hối của ông D, bà T bề và chưa thanh toán cho các hối viên khác như bà N trình bày. Xét thấy, chủ hối chỉ mang tính chất là vai trò trung gian ăn hoa hồng và có trách nhiệm gom hối của các hối viên trong dây hối giao hối lại cho người được lĩnh hối, nên việc bà N vi phạm nghĩa vụ

thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ hội và các hội viên, kể từ ngày bà N ngưng đóng hội và ông D, bà T đã xuất tiền đóng hội thay cho bà N cho đến khi mãn hội. Do đó, yêu cầu khởi kiện đòi tiền hội của nguyên đơn đối với bà N là có căn cứ.

[3.2] Ông D và bà T yêu cầu bà N và ông T có trách nhiệm trả số tiền hội 10.000.000 đồng. Xét thấy, ông D, bà T không cung cấp tài liệu chứng cứ nào thể hiện ông T tham gia hội. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2021, ông T xác định ông là chồng bà N và số tiền hót hội được vợ chồng sử dụng chung nên cần buộc bà N và ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông D, bà T số tiền hội là 10.000.000 đồng.

[4] Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T cần buộc bà N và ông T trả cho ông D, bà T số tiền là 10.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471, Điều 688 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17; khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 19/2019 ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] *Về án phí sơ thẩm có giá ngạch:* Ông D, bà T không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của ông D và bà T được chấp nhận nên bà N và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng. Ông D và bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008293 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 19/2019 ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh D và bà Lê Kiều T đối với Bà Đỗ Thị N và ông Trần Thanh T.

Buộc Bà Đỗ Thị N và ông Trần Thanh T trả cho ông Lê Thanh D và bà Lê Kiều T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị N và ông Trần Thanh T phải nộp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Ông Lê Thanh D và bà Lê Kiều T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008293 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đồng nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Duy Khanh